TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – QUẢNG NGÃI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2025/HS-ST
Ngày 29 - 7 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thanh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Sơn, ông Nguyễn Hồng Quang.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Hoàng Hồng Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 4 - Quảng Ngãi.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2025/TLST - HS ngày 22 tháng 6 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 7 năm 2025, đối với:

1. Bị cáo: TRẦN HOÀNG KHÁNH H**,** tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 09 tháng 01 năm 1994 tại Quảng Ngãi.

Nguyên quán: Tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Tổ dân phố V, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi).

Nơi thường trú: Tổ dân phố V, phường Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp buôn bán, trình độ văn hóa 12/12, dân tộc kinh, giới tính nam, tôn giáo: không; quốc tịch Việt Nam, số CCCD: 051094004840 cấp ngày 08 tháng 5 năm 2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ C1. Con ông Trần L (đã chết) và bà Huỳnh Thị Minh T, sinh năm 1966, bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày **06/3/2024 đến ngày xét xử.**

Bị cáo có mặt.

2.2. Bị hại:

- Bà Lương Thị V, sinh năm 1988.
- Ông Tạ Công H1, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: A P, Tổ dân phố S, thị trấn S, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là 101 Phạm Văn Đồng, Tổ dân phố S, xã V, tỉnh Quảng Ngãi).

2.3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Thị T1, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: 5 H, Phường I, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là 552/20 phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Duy B, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: A P, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là A P, phường C, tỉnh Quảng Ngãi).

- Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Huỳnh Tấn D, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Thôn N, xã V, tỉnh Quảng Ngãi).

- Bà Lương Thị Mỹ T2, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là thôn H, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi).

- Ông Huỳnh Phạm Thế D1, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ F, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Tổ F, phường N, tỉnh Quảng Ngãi).

- Ông Võ Duy H2, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi (Nay là Tổ dân phố E, xã T, tỉnh Quảng Ngãi).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2023, bị cáo Trần Hoàng Khánh H được bà Lương Thị V thuê để làm việc tại xưởng sơ chế tổ yến ở nhà V (Nhà bà V). Công việc chính của bi cáo là đắp tổ yến, hướng dẫn thợ làm tổ yến, lên khuôn, sấy tổ yến, tìm kiếm khách hàng mua bán tổ yến cho bà V.

Để có tiền trả nợ, bị cáo H nảy sinh ý định trộm cắp tổ yến của bà V để trong phòng kho, tại tầng 2 nhà bà V. Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo tìm kiếm nơi tiêu thụ tổ yến sẽ trộm của bà V. Theo đó, bi cáo H sử dụng tài khoản Zalo "YẾN SÀO VIỆT Á" nhắn tin cho Võ Thị T1 (sinh năm 1994, đăng ký thường trú xã V, tỉnh Quảng Ngãi nhưng đang làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh, bà T1 có giao dịch mua bán yến tại Quảng Ngãi) qua tài khoản Zalo "Yến Thương". Bị cáo nói có tổ yến cần bán, thì T1 đồng ý thực hiện giao dịch. Theo đó, bị cáo sẽ giao hàng tại số nhà A P, phường C, tỉnh Quảng Ngãi, T1 sẽ nhờ người kiểm tra tổ yến, xác định số lượng, sau đó sẽ chuyển khoản cho bị cáo H theo tài khoản ngân hàng mà bị cáo H yêu cầu.

Vào các ngày 26 và 27/6/2023, bị cáo H đã thực hiện hành vi trộm cắp tổ yến của Lương Thị V 05 (năm) lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Sau khi trao đổi, bà T1 thống nhất mua tổ yến, khoảng 10 giờ 40 phút, ngày 26/6/2023, bị cáo quan sát thấy V và người trong nhà V ở trong

phòng, bị cáo xuống phòng khách mở cửa chính ra trước (cửa ra vào nhà của bà V, để tiện cho việc mang tổ yến trộm cắp ra ngoài được nhanh chóng, khỏi ai phát hiện). Tiếp đến, bị cáo lén vào phòng kho bưng 01 (một) thùng xốp, bên trong có chứa tổ yến thô và mang xuống phòng khách, đi ra khỏi nhà V. Tiếp đó, bị cáo H gọi điện cho Nguyễn Bá Đ là nhân viên lái taxi đến chở bị cáo H có mang theo 01 thùng xốp chứa tổ yến đến địa chỉ A P để bán tổ yến. Khi đến nơi, bị cáo H nói có mâu thuẫn với người mua yến nên nhờ Đ đi vào trong giao yến, Đ cùng với Nguyễn Duy B (em rể Võ Thị T1) chốt số lượng yến, chất lượng yến. B trao đổi thông tin với T1 còn Đ thì chụp hình khối lượng yến gửi cho H qua zalo "YẾN SÀO VIỆT Á" cho bị cáo. Sau khi giao yến, Đ gửi cho bị cáo H trọng lượng đã cân là 6,025 kg tổ yến thô. Bị cáo H và T1 trao đổi hoàn tất giao dịch mua bán lô tổ yến 6,025 kg này với số tiền là 75.000.000 đồng. Bị cáo đưa cho T1 tài khoản ngân hàng B2 số 57010000760497 của Huỳnh Phạm Thế D1 (bị cáo có quen biết), T1 đã chuyển khoản từ số tài khoản của T1 là 0271000990415 (ngân hàng V1) đến tài khoản của D1 75.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, D1 chuyển khoản lại cho bị cáo H số tiền 74.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng V1 số 1014861615 của bị cáo H, còn 1.000.000 đồng bị cáo trả tiền cho D1. Sau đó, bị cáo H đi taxi về lại nhà V.

Lần thứ hai: Tương tự như lần trước đó, khoảng 16 giờ, ngày 26/6/2023, bị cáo tiếp tục thỏa thuận với T1 về việc bán tổ yến, sau khi T1 thống nhất, bị cáo quan sát không có ai nên lén vào kho bưng 01 thùng xốp có sẵn tổ yến của V, bị cáo bưng xuống cầu thang, tới cửa ra vào tại phòng khách, để thùng xốp xuống, mở cửa ra, tiếp đó bị cáo H bưng thùng xốp ra ngoài, đóng cửa lại, quá trình đóng mở cửa thì bị cáo có quan sát xung quanh để xem có ai không vì sợ bị phát hiện, sau đó bị cáo bưng yến đi ra khỏi nhà. Bị cáo H gọi điện cho Nguyễn Bá Đ đến đón để đi bán tổ yến. Số yến trộm lần này là 2.970 gram (Hai nghìn chín trăm bảy mươi gram) tổ yến thô, bán được số tiền là 43.000.000 đồng. Bị cáo đưa cho T1 tài khoản ngân hàng của Đ số 103869596539, tại ngân hàng V2 và T1 đã chuyển khoản qua cho Đ số tiền là 43.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thì Đ chuyển khoản lại cho H toàn bộ số tiền nhận được.

Lần thứ ba: Tương tự những lần trước, sau khi thống nhất bán tổ yến cho Võ Thị T1, khoảng 08 giờ 40 phút ngày 27/6/2023, bị cáo quan sát không thấy V và người trong gia đình V nên lén mở cửa phòng kho bưng một thùng xốp bên trong có chứa tổ yến đi ra khỏi nhà. Bị cáo gọi điện cho tổng đài taxi, Huỳnh Tấn D nhận thông tin, bị cáo yêu cầu chở bị cáo và thùng xốp có tổ yến ra khách sạn tại địa chỉ số A H, (nay là Phường N), tỉnh Quảng Ngãi. Tại đây, bị cáo gọi điện cho Nguyễn Bá Đ, chở bị cáo đến địa chỉ A P,để giao yến. Lần này bị can trộm được 6,020kg (Sáu phẩy không trăm hai mươi kilôgram) tổ yến thô, bán được 75.000.000 đồng. Bà T1 chuyển vào tài khoản ngân hàng của Đ, 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng chẵn). Sau khi nhận được tiền thì Đ chuyển khoản lại cho bị cáo 74.750.000 đồng, Đ lấy 250.000 đồng tiền taxi. Sau đó, bị cáo tiếp tục đi taxi về lại nhà V.

Lần thứ tư: Sau khi thống nhất bán tổ yến cho T1, khoảng 12 giờ 40 phút ngày 27/6/2023, bị cáo xuống mở cửa chính tại phòng khách nhà của V, lén lút vào phòng kho, bưng 01 thùng giấy, bên trong có chứa tổ yến ra ngoài, bị cáo gọi taxi chở đi bán tại A P. Lần này, Đ vẫn là người chở bị cáo và vào giao hàng. Số lượng yến trong lần thực hiện này nhiều loại, tổng cộng số lần cân là 5 (năm) lần gồm: 384 gram (ba trăm tám mươi tư gram) yến sơ mướp, 823 gram (tám trăm hai mươi ba gram) yến đã qua sơ chế, 757 gram (bảy trăm năm mươi bảy gram) yến đã qua sơ chế; 819 gram (tám trăm mười chín gram) yến tinh chế; 119 gram (một trăm mười chín gram) yến tinh chế. H bán tổ yến trộm được số tiền là 47.462.000 đồng. T1 chuyển số tiền này vào tài khoản của Đ. Đ chuyển khoản cho bị cáo 47.262.000 đồng, đã trừ đi 200.000 đồng là tiền bị cáo còn nợ Đ tiền đi taxi.

Lần thứ năm: Tương tự, sau khi thống nhất bán tổ yến cho T1, khoảng 15 giờ 20 phút ngày 27/6/2023, bị cáo xuống mở cửa chính tại phòng khách nhà của V, sau đó bị cáo lén vào phòng kho bưng 01 thùng giấy, bên trong có chứa tổ yến ra khỏi nhà, gọi taxi chở đi tiêu thụ. Lần này, tài xế taxi là Huỳnh Tấn D, bị cáo nhờ D vào giao hàng giúp tại địa chỉ A P. Lần này, bị cáo trộm được khối lượng tổ yến là 2,064 kg (hai phẩy không trăm sáu mươi tư kilogram) tổ yến thô, bán được 23.700.000 đồng. Thương chuyển số tiền này qua tài khoản V2 của Đ, sau đó Đ chuyển khoản cho bị cáo toàn bộ số tiền là 23.700.000 đồng vào tài khoản V1 của bị cáo.

Tổng cộng, bị cáo đã trộm tổ yến của bà V 05 (năm) lần và bán được tổng cộng 264.162.000 đồng (Hai trăm sáu mươi bốn triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Sau đó, bị cáo đã sử dụng số tiền này tiêu xài cá nhân.

Bản Kết luận giám định số: 839/KL-KTHS, ngày 16/10/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q về việc giám định dữ liệu kỹ thuật số điện tử như sau:Trích xuất được 05 đoạn video trong USB ra 01 đĩa DVD và trích xuất 23 hình ảnh đại diện từ các tập tin video đưa vào 01 bản ảnh.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 09/KL-HĐĐGTS ngày 22/5/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên cấp tỉnh trong tố tụng hình sự, kết luận giá trị của tài sản bị chiếm đoạt như sau: 17.079 gram tổ yến thô, 384 gram yến sơ mướp, 1.580 gram yến đã qua sơ chế; 938 gram yến tinh chế tại thời điểm bị chiếm đoạt là 288.457.980 (Hai trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi) đồng.

Về tài sản bị trộm cắp và phần dân sự: Bị hại ông Tạ Công H1, bà Lương Thị V đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt có trị giá 84.610.000 đồng, ông bà yêu cầu bị cáo H tiếp tục phải bồi thường số tiền số tài sản bị chiếm đoạt trị giá 203.847.980 đồng. Bà Võ Thị Thương yêu C bị cáo H hoàn trả lại cho bà số tiền 84.610.000 đồng là giá trị số tổ yến Cơ quan điều tra thu giữ của bà để trả lại cho bị hại. Bà V yêu cầu trả lại cho bà 0 (một) điện thoại di động nhãn hiệu

Xiaomi, màu đen do bà cho bị cáo H mượn. Đối với 01 (một) usb có chứa 05 đoạn video do bà V cung cấp, bà V không có yêu cầu.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS- TN ngày 10/5/2024 và Văn bản số 76/VKS ngày 11/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Trần Hoàng Khánh H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu phân tích tính chất của vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và đề nghị xử phạt bị cáo Trần Hoàng Khánh H từ 8 (tám) năm đến 8 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tuyên kèm lưu vào hồ sơ vụ án 01 (một) USB, trả lại cho bà V 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, màu đen. Về dân sự đề nghị buộc bị cáo phải bồi thường cho bên bị hại số tiền 203.847.980 đồng, buộc bị cáo phải trả lại cho bà số tiền 84.610.000 đồng.

Tranh luận tại phiên tòa: Không, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, Quyết định truy tố của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa (nay là Khu vực 4) trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hoàng Khánh H khai nhận toàn bộ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của mình, phù hợp với lời khai của bị hại, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thể hiện:

[2.1] Bị cáo được Lương Thị V thuê để làm việc tại xưởng sơ chế tổ yến ở nhà V. Công việc chính của bị cáo là đắp tổ yến, hướng dẫn thợ làm tổ yến, lên khuôn, sấy tổ yến, tìm kiếm khách hàng mua bán tổ yến cho V. Vào các ngày 26 và 27/6/2023, sau khi quan sát không có ai, lợi dụng sự sơ hở của bà V và gia đình bà V, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tổ yến của bà V 05 (năm) lần, cụ thể: Lần thứ nhất: khoảng 10 giờ 40 phút, ngày 26/6/2023, bị cáo chiếm đoạt tài sản của V và đem bán với khối lượng cân được là 6,025 kg (sáu phẩy không trăm hai mươi lăm kilogram) tổ yến thô, số tiền là 75.000.000 đồng. Lần thứ hai: Tương tự như lần trước đó, khoảng 16 giờ, ngày 26/6/2023, số yến trộm lần này là 2.970 gram (Hai nghìn chín trăm bảy mươi gram) tổ yến thô, bán được số tiền là 43.000.000 đồng. Lần thứ ba: khoảng 08 giờ 40 phút ngày 27/6/2023, bị cáo

chiếm đoạt 6,020 kg (Sáu phẩy không trăm hai mươi kilôgram) tổ yến thô, bán được 75.000.000 đồng. Lần thứ tư: khoảng 12 giờ 40 phút ngày 27/6/2023, bị cáo chiếm đoạt tổ yến, nhiều loại, tổng cộng số lần cân là 5 (năm) lần gồm: 384 gram (ba trăm tám mươi tư gram) yến sơ mướp, 823 gram (tám trăm hai mươi ba gram) yến đã qua sơ chế, 757 gram (bảy trăm năm mươi bảy gram) yến đã qua sơ chế; 819 gram (tám trăm mười chín gram) yến tinh chế; 119 gram (một trăm mười chín gram) yến tinh chế. Số tiền bán tổ yến trộm được số tiền là 47.462.000 đồng. Lần thứ năm: khoảng 15 giờ 20 phút ngày 27/6/2023, bị cáo bị cáo chiếm đoạt là 2,064 kg (hai phẩy không trăm sáu mươi tư kilogram) tổ yến thô, bán được 23.700.000 đồng. Theo kết luận định giá tài sản 09/KL-HĐĐGTS ngày 22/5/2025 của Hội đồng định giá thường xuyên cấp tỉnh trong tố tụng hình sự, kết luận tổng giá trị của tài sản tại thời điểm chiếm đoạt là 288.457.980 (Hai trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi) đồng. Hành vi của bị cáo cấu thành tội trộm cắp tài sản được quy định tại điểm a khoảnĐiều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Quảng Ngãi đối với bị cáo Trần Hoàng Khánh H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng đối với bị cáo nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời cũng nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[3.2] Tình tiết tăng nặng: Trong hai ngày, bị cáo đã thực hiện liên tiếp 05 lần chiếm đoạt tài sản của bị hại, mỗi lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Xét thấy, bị cáo có công việc, nghề nghiệp, các lần phạm tội này không phải là nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính. Vì vậy, bị cáo chỉ phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hìnhsự.

[3.3] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo có truyền thống cách mạng, bị cáo hoàn thành nghĩa vụ quân sự. Vì vậy, đây là các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng theo qui định điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng.

- 01 (một) USB do bà V giao nộp, đây là chứng cứ và được lưu vào hồ sơ vụ án.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, màu đen đây là tài sản của bà V, bà V có yêu cầu nhận lại nên trả lại cho bà V.

- Các tài sản khác, Cơ quan tiến hành tố tụng đã trả lại cho bà V, bà V đã nhận lại, không có yêu cầu gì khác.

[5] Về dân sự:

[5.1] Bà V, ông H1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông bà số tiền 203.847.980 đồng, bị cáo thống nhất với yêu cầu của bị hại.

[5.2] Bà Thương yêu C bị cáo phải trả lại số tiền 84.610.000 đồng, bị cáo thống nhất nên buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền này cho bà T1.

[6] Hình phạt bổ sung: Không.

[7] Tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án:

[7.1] Đối với Nguyễn Bá Đ, Huỳnh Tấn D: Là người chở bị cáo cùng với tổ yến đi bán, đồng thời cũng giao giúp tổ yến cho bị cáo. Tuy nhiên Đ và D không biết tài sản này là do trộm cắp mà có, không hưởng lợi từ việc giao hàng giúp, chỉ nhận tiền công taxi. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập việc xử lý hình sự, hành chính đối với Đ, D là phù hợp.

[7.2] Đối với Lương Thị Mỹ T2, Huỳnh Phạm Thế D1, Võ Duy H2: Bị cáo dùng số tiền bán tổ yến do trộm của V để trả nợ cho D1, nhờ T2 thanh toán tiền mua hàng giúp và trả tiền taxi cho H2. Tuy nhiên, T2, D1, H2 không biết tài sản này là do trộm cắp mà có. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với những người nêu trên là phù hợp.

[7.3] Đối với Võ Thị T1 và Nguyễn Duy B: Là người nhận và mua tổ yến là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Tuy nhiên, bà T1 và ông B không biết tài sản này là do trộm cắp mà có. Do vậy, hành vi của B, T1 không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nên không đề cập xử lý là đúng quy định.

[7.4] Đối với những tài khoản nhận tiền từ bị cáo gồm: Lê Ngọc Đ1, Hoàng Văn H3, Trần Minh K, Lương Thanh B1 là những tài khoản nhận được tiền của bị cáo do trộm cắp mà có trong này 26/6/2023 và 27/6/2023 (Bị cáo khai trả nợ cho những người này). Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành ủy thác điều tra để tiến hành lấy lời khai những người này. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa nhận được kết quả từ việc Ủy thác điều tra. Do vậy, khi nào có kết quả sẽ tiếp tục xác minh và xử lý sau.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo phải chịu số tiền án phí dân sự 288.457.980 x5% =14.422.899 đồng.

[10] Quyền kháng cáo: theo qui định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 32, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1.1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Hoàng Khánh H phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

1.2. Xử phạt bị cáo Trần Hoàng Khánh H 8 năm (T3 năm) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **06/3/2024.**

2. Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 48 Bộ luật Hình sự

- Tuyên lưu 01 (một) USB màu trắng bạc, có chữ số 4G TOSHIBA theo hồ sơ vụ án.

- Tuyên trả 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi, màu đen cho ông H1, bà V (Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 14/5/2025 tị Chi cục THA DS huyện T nay là Phòng THA DS khu vực 4 – Quảng Ngãi).

3. Áp dụng các Điều 166, Điều 584 Bộ luật Dân sự 2015.

3.1. Buộc bị cáo Trần Hoàng Khánh H phải bồi thường cho *bà* Lương Thị V, ông Tạ Công H1 203.847.980 (Hai trăm lẻ ba triệu, tám trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm tám mươi) đồng.

3.2. Buộc bị cáo Trần Hoàng Khánh H hoàn trả cho bà Võ Thị T1 84.610.000 (T3 mươi bốn triệu, sáu trăm mười nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Hoàng Khánh H phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 14.422.899 (Mười bốn triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn tám trăm chín mươi chín) đồng án phí dân sự về bồi thường.

5. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/7/2025) hoặc ngày nhận được bản án, ngày bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng CSĐT CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Hòa